TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/DS-ST
Ngày: 28- 9 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hòa

2. Bà Hồ Thị Hồng Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa***: Ông Hoàng Văn Đàm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 181/2020/TLST- DS, ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2022/QĐXX-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Trọng L, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn 8, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn 5, xã C, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn 8, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt khi tuyên án)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn 8, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Huỳnh Trọng L và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vợ chồng ông Huỳnh Trọng L và bà Nguyễn Thị H kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật từ năm 2016. Đến khoảng tháng 8/2017 thì anh Nguyễn Văn H

bắt đầu mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của gia đình ông L. Khi mua thì anh H đều mua thiếu, từ tháng 8/2017 cho đến ngày 30/4/2018 thì anh H nợ tiền phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của vợ chồng ông L khoảng 18 triệu đồng. Đến tháng 8/2018 anh H trả được 10 triệu đồng, còn nợ lại khoảng 8 triệu đồng. Từ đó đến tháng 02/2019 anh H mua thiếu tiếp phân bón và thuốc với số tiền 23.490.000 đồng, cộng với số tiền còn thiếu khoảng 8 triệu đồng là 31.490.000 đồng. Tháng 5/2019, anh H trả trước 15 triệu đồng, còn nợ lại 16.490.000 đồng. Ngoài ra, vào năm 2017, ông L đưa cây gỗ cho anh H đóng giường, anh H nói không lấy tiền công nhưng sau đó lại lấy tiền công 3.000.000 đồng, ông L đã trả số tiền này cho anh H. Do ông L và anh H có thỏa thuận ông L sẽ lấy lại 2.000.000 đồng tiền cây nên anh H còn nợ ông L 2.000.000 đồng tiền cây nữa (Số tiền này là tài sản chung của vợ ông L, bà H nhưng thời điểm đóng giường thì bà H bị tai nạn nên không biết việc thỏa thuận giữa ông L và anh H). Như vậy, tổng số tiền anh H nợ ông L, bà H là 18.490.000 đồng. Mặc dù đã nhiều lần yêu cầu anh H trả tiền nhưng anh H vẫn không trả nên ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh H phải trả cho ông L, bà H số tiền nợ từ việc mua phân bón từ tháng 8/2017 cho đầu năm 2019 là 16.000.000 đồng (không yêu cầu khoản tiền 490.000 đồng) và tiền cây đóng giường là 2.000.000 đồng, tổng là 18.000.000đồng; đồng thời tính lãi của số tiền này từ ngày 02/02/2018 cho đến ngày 26/8/2020 với lãi suất 2,5%/tháng là 13.500.000 đồng, tổng là 31.500.000 đồng. Ngoài ra, ông L không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh H xác định trước năm 2018, anh H có mua thiếu phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của vợ chồng ông L nhưng số tiền cụ thể bao nhiêu thì không nhớ do việc ghi chép số lượng và số tiền mua phân là do ông L, bà H ghi. Tuy nhiên, vào năm 2018 anh H đã trả số tiền 10 triệu đồng, đến năm 2019 trả tiếp số tiền còn thiếu là 15 triệu đồng. Do đó hiện nay anh H không còn nợ khoản tiền mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của ông L và bà H nữa. Đối với số tiền số tiền 23.490.000 đồng tại giấy viết tay đề ngày 3/8/2018 ghi chép việc bán phân cho anh H là do ông L, bà H giả chữ ký của của anh H để ký nhận, thực tế anh H không mua của ông L, bà H số lượng phân và thuốc bảo vệ thực vật này.

Đối với số tiền đóng giường cho ông L thì anh H xác định vào năm 2018 ông L có đưa cây cho anh H để đóng giường cho ông L, sau khi đóng xong thì anh H sẽ lấy tiền công là 3.000.000 đồng. Mặc dù việc này chỉ nói miệng, không làm văn bản hay có người chứng kiến nhưng việc anh H bỏ công sức đóng giường cho ông L thì anh H phải nhận tiền công. Do đó, ông L yêu cầu phải trả tiền cây mà ông L đưa cho anh H để đóng giường cho ông L là không đúng.

Như vậy, anh H không còn nợ ông L, bà H khoản tiền nào nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L buộc anh H phải trả tiền từ việc mua phân bón, tiền cây đóng giường là 18.000.000 đồng và tiền lãi từ số tiền này từ ngày 02/02/2018 cho đến ngày 26/8/2020 với lãi 2,5%/tháng là 13.500.000 đồng, tổng là 31.500.000 đồng. Ngoài ra, anh H không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H: Bà H thống nhất với lời trình bày của ông Huỳnh Trọng L và không có ý kiến gì bổ sung.

Tại phiên tòa cả nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có mặt và không cung cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Nguyên đơn ông Huỳnh Trọng L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền đóng giường là 2.000.000 đồng và chỉ yêu cầu anh H phải trả số tiền nợ từ việc mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật là 16.000.000 đồng và lãi suất của số tiền này từ ngày 03/02/2019 cho đến ngày 26/8/2020 với mức lãi suất 1,66%/tháng là 4.984.426 đồng.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H xác định các khoản tiền nợ phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của ông L, bà H thì anh H đã trả hết nên không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn anh Nguyễn Văn H phải trả cho nguyên đơn ông L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật là 16.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 03/02/2019 cho đến ngày 26/8/2020 với lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn khởi kiện Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại xã A, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước để yêu cầu anh H phải trả số tiền còn nợ là 31.500.000 đồng từ việc mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của vợ chồng ông Huỳnh Trọng L, bà Nguyễn Thị H. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[2] *Đối với yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền anh H nợ từ việc đóng giường cho nguyên đơn*: Quá trình giải quyết vụ án, ông L yêu cầu anh H phải trả số tiền từ việc ông L đưa cây gỗ cho anh H đóng giường là 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông L xin rút yêu cầu đối với khoản tiền này. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông L là tự nguyện nên cần chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này của ông L.

[3] *Đối với yêu cầu của nguyên đơn khoản nợ tiền phân bón và thuốc bảo vệ thực vật*: Theo lời trình bày của nguyên đơn ông L và người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan bà H thì từ tháng 8/2017 cho đến ngày 30/4/2018, anh H nợ tiền phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của vợ chồng ông L khoảng 18.000.000 đồng. Đến tháng 8/2018 anh H trả 10.000.000 đồng, còn nợ lại khoảng 8.000.000 đồng. Từ đó đến tháng 02/2019 anh H tiếp tục mua thiếu của ông L, bà H với tổng số tiền 23.490.000 đồng, cộng với số tiền còn thiếu trước đó là 31.490.000 đồng. Đến khoảng tháng 5/2019, anh H trả trước 15.000.000đồng, còn nợ lại số tiền 16.490.000 đồng. Từ đó cho đến nay thì anh H không trả thêm khoản tiền nào khác. Tuy nhiên, anh H lại cho rằng anh H chỉ mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của ông L, bà H cho tới năm 2018 và đã trả hết số tiền còn nợ, từ năm 2019 cho đến nay anh H không mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của ông L, bà H nữa nên không có việc còn nợ lại số tiền 16.490.000 đồng như lời trình bày của ông L, bà H.

[4] Xét lời trình bày của các đương sự thấy rằng: Các bên đều xác định các lần anh H mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của ông L, bà H là đều mua thiếu, số lượng và số tiền đều là do ông L, bà H ghi vào sổ của ông L, bà H. Ông L, bà H căn cứ vào tờ giấy đề ngày 25 - 4 - 2018 có nội dung thời gian, số lượng, giá tiền các lần anh H mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật và chốt tổng số tiền còn nợ là 23.490.000đồng có chữ ký của anh H để yêu cầu anh H trả nợ. Tuy nhiên, anh H không thừa nhận các nội dung ghi trong tờ giấy này và xác định chữ ký dưới số tiền 23.490.000đồng không phải chữ ký của anh H. Quá trình giải quyết vụ án ông L, bà H cũng xác định chữ ký này không phải do anh H ký mà ông L đồ lại chữ ký của anh H.

Mặc dù có cơ sở xác định chữ ký nhận số tiền 23.490.000đồng trong tờ giấy đề ngày 25 - 4 – 2018 không phải của anh H nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2020 và ngày 16/3/2021 tại Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, anh H đều thừa nhận có việc nợ tiền phân và thuốc như tờ giấy đề ngày 25 - 4 - 2018 mà nguyên đơn cung cấp, cộng với số tiền còn nợ trước đó thành 31.255.000 đồng, đến hết mùa điều năm 2019, anh H đã trả được 15.000.000 đồng nên hiện còn nợ của ông L, bà H số tiền 16.255.000 đồng nhưng chỉ đồng ý trả số tiền này cho bà H, ông L khi bà H, ông L xin lỗi anh H vì giả chữ ký của anh H. Mặc dù sau này và tại phiên tòa anh H không thừa nhận có việc mua và nợ tiền phân bón nhưng xác định chữ ký trong các biên bản lấy lời khai tại Tòa án đều là chữ ký của anh H và việc làm việc với Tòa án là hoàn toàn khách quan, không bị ép buộc. Mặt khác, những lời trình bày của anh H tại các biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2020 và ngày 16/3/2021 hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của ông L, bà H và các tài liệu chứng cứ mà chính anh H và ông L cung cấp. Do đó, có căn cứ xác định hiện nay anh H còn nợ ông L, bà H số tiền mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật là 16.490.000 đồng, ông L, bà H chỉ yêu cầu anh H trả số tiền 16.000.000 đồng nên anh H phải có trách nhiệm trả cho ông L, bà H số tiền này.

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi: Ông L, bà H cho rằng khi mua bán phân bón các bên thỏa thuận thời điểm trả tiền là ngày 30/4 hằng năm, nếu đến ngày này không trả tiền thì sẽ tính lãi suất 2,5%/tháng đối với số tiền còn nợ. Tuy nhiên ông L, bà H xác định chỉ thỏa thuận miệng, không lập giấy tờ và cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh, trong khi anh H không thừa nhận có việc thỏa thuận lãi suất đối với tiền mua phân và thuốc còn nợ nên không có căn cứ xác định việc các bên có thỏa thuận lãi suất.

Theo quy định tại Điều 440 và 357 Bộ luật dân sự thì trường hợp bên mua

không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với lãi suất theo thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do các bên không thỏa thuận lãi suất nên lãi suất được tính trong trường hợp này là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng).

Về thời gian tính lãi: Theo ông L và bà H thì các bên có thỏa thuận thời gian trả tiền là vào ngày 30/4 hằng năm nhưng chỉ thỏa thuận miệng, không có lập giấy tờ; anh H lại cho rằng các bên thỏa thuận thời hạn trả tiền là hết mùa điều hàng năm là tháng 5 chứ không xác định ngày cụ thể. Dù các bên thừa nhận có việc thỏa thuận thời gian thanh toán nhưng lại không thống nhất được thời gian cụ thể và cũng không có căn cứ nào khác để xác định thời gian các bên thỏa thuận thanh toán nên để đảm bảo có lợi cho các bên cần xác định thời gian thanh toán hợp lý là ngày 31/5 nên thời gian tính lãi chậm trả là ngày 01/6. Thời gian các bên giao dịch mua bán cuối cùng là ngày 03/02/2019 nên thời gian chậm trả sẽ được tính từ ngày 01/6/2019. Phía nguyên đơn yêu cầu anh H phải trả tiền lãi từ ngày 03/02/2019 cho đến ngày 26/8/2020 với lãi suất 1,66%/tháng là chưa đúng nên tiền lãi được tính lại từ ngày 01/6/2019 cho đến ngày 26/8/2020 như sau: (16.000.000 đồng x 0,83%/tháng) x 14 tháng 25 ngày = 1.969.866 đồng. Như vậy, tổng số tiền anh H phải có nghĩa vụ trả cho ông L và bà H là 17.696.866 đồng.

[6] Từ những nhận định nêu trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Trọng L, buộc bị đơn anh Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả cho ông L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 17.696.866 đồng.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh H phải chịu án phí đối với số tiền có nghĩa vụ phải trả cho ông L, bà H tương ứng là 884.843 đồng. Ông L phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 787.500 đồng.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 430, 431, 433, 440 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Trọng L đối với số tiền đóng giường là 2.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Trọng L.

Buộc anh Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Trọng L và bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 17.696.866 đồng (Mười bảy triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó tiền nợ là 16.000.000 đồng (Mười

sáu triệu đồng) và tiền lãi chậm trả là 1.969.866 đồng (một triệu chín trăm sáu mười chín nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 884.843 đồng (tám trăm tám mươi bốn nghìn, tám trăm bốn mươi ba đồng). Ông L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 787.500 đồng (bảy trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 015639 ngày 05/10/2020, Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho ông L số tiền 487.500 đồng (bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- THA huyện Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Đào